

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 427 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 19 tháng 02 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại  
chăn nuôi vịt thịt, quy mô 45.000 con/lứa nuôi tại ấp 5, xã Tân Hưng,  
huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do ông Trần Văn Quân làm chủ đầu tư

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy  
định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá  
tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa  
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành  
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ  
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số  
40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều  
của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường  
và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại  
chăn nuôi vịt thịt, quy mô 45.000 con/lứa nuôi tại ấp 5, xã Tân Hưng, huyện Đồng  
Phú, tỉnh Bình Phước do ông Trần Văn Quân làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa,  
bổ sung gửi kèm Công văn số 09/2021/CV-MT ngày 02/02/2021;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
63/TTr-STNMT ngày 09/02/2021.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự  
án Trang trại chăn nuôi vịt thịt, quy mô 45.000 con/lứa nuôi (sau đây gọi là Dự án)  
của ông Trần Văn Quân (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại ấp 5, xã Tân



Hung, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:**

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đông Phú, Chủ tịch UBND xã Tân Hưng, ông Trần Văn Quân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT<sub>(BH-17-QĐPD-17/02)</sub>.

10/ CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Huyình Anh Minh*

## PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi vịt thịt, quy mô 45.000 con/lứa nuôi tại ấp 5, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do ông Trần Văn Quân làm chủ đầu tư

(Kèm theo Quyết định số 427.../QĐ-UBND ngày 19/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

### 1. Thông tin về Dự án:

**1.1. Tên Dự án:** Trang trại chăn nuôi vịt thịt, quy mô 45.000 con/lứa nuôi.

**1.2. Chủ dự án:** Ông Trần Văn Quân.

Địa chỉ thường trú: Số 76/9/3 Xuân Diệu, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Quân.

**1.3. Địa điểm thực hiện Dự án:** Ấp 5, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

**1.4. Phạm vi, quy mô:** Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 21.026,5 m<sup>2</sup> với quy mô 45.000 con vịt thịt /lứa nuôi.

**1.5. Công nghệ của Dự án:** Chăn nuôi vịt tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

**1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án:** Gồm khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

### 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

#### 2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng:* Bụi từ quá trình thi công san nền, đào móng; bụi, khí thải từ các thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển; bụi và khí thải từ các phương tiện thi công trên công trường; bụi và khí thải từ các hoạt động cơ khí; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn vận hành:* Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án; bụi và khí thải máy phát điện dự phòng; bụi từ quá trình nhập thức ăn cho vịt; khí thải từ hầm biogas; mùi hôi từ quá trình chăn nuôi; nước thải từ quá trình chăn nuôi; nước thải sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn không nguy hại từ quá trình chăn nuôi và chất thải nguy hại.

#### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

##### 2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Nước thải xây dựng:* Gồm nước thải từ quá trình rửa xe, rửa nguyên vật liệu xây dựng khoảng 03 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải từ khâu trộn bê tông ước tính khoảng 05 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất cát...

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng 03 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm gồm BOD<sub>5</sub>, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

### 2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải chăn nuôi*: Lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 15 m<sup>3</sup>/lần vệ sinh; thành phần ô nhiễm gồm pH, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, tổng nitơ, coliform, coli phân và salmonella.

- *Nước thải từ quá trình sát trùng*: Lưu lượng khoảng 0,275 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là clo dư sau khi sát trùng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm gồm BOD<sub>5</sub>, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, tổng nitơ, amoni, tổng photpho, coliform.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

#### 2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Bụi từ quá trình thi công san nền, đào móng*: Nồng độ bụi phát sinh trong hoạt động này khoảng 0,62 mg/m<sup>3</sup>.

- *Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như CO, HC, NO<sub>x</sub>, bụi.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện thi công trên công trường*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

- *Bụi và khí thải từ hoạt động cơ khí*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như khói hàn, CO, NO<sub>x</sub>.

#### 2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO<sub>x</sub>, CO, HC.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.

- *Bụi và khí thải từ nhập nguyên liệu thức ăn*: Nồng độ bụi phát sinh trong hoạt động này khoảng 0,59 mg/m<sup>3</sup>.

- *Khí thải từ hầm biogas*: Lượng khí CH<sub>4</sub> sinh ra từ hầm biogas khoảng 551.124 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chính của khí biogas là CH<sub>4</sub> (58% đến 60%) và CO<sub>2</sub> (> 30%) còn lại là các chất khác như N<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>, CO, mercaptan...

- *Mùi phát sinh từ khu chăn nuôi; khu xử lý nước thải; kho lưu chứa và hồ hủy xác*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm chủ yếu như H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, mercaptan...

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

#### 2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh trong toàn bộ quá trình xây dựng khoảng 30 kg/ngày, chủ yếu là phế thải xây dựng; sắt, thép vụn; bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 13,5 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ.

#### 2.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Phân vịt, vỏ trấu rã sản thải*: Lượng phân vịt phát sinh khoảng 11.340 kg/ngày; lượng vỏ trấu rã sản khoảng 19.008 kg/lứa nuôi. Thành phần phân vịt

chủ yếu gồm các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Vịt chết không do dịch bệnh*: Phát sinh nhiều nhất khoảng 05 kg/ngày; thành phần chủ yếu của xác vịt chết không do dịch bệnh gồm các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Bao bì cám vịt dự trữ thải bỏ*: Phát sinh khoảng 3,4 kg/ngày.

- *Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải*: Lượng bùn phát sinh cần xử lý khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 3,6 kg/ngày; thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

## **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

**2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng**: Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 17 kg/tháng, bao gồm các loại chất thải như dầu nhớt thải; giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, hóa chất; sơn thải; que hàn thải có các thành phần nguy hại.

**2.5.2. Trong giai đoạn vận hành**: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 22 kg/tháng, bao gồm các loại chất thải như giẻ lau, bao tay dính hóa chất, dầu mỡ thải; bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; dầu nhớt thải; chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn); pin thải; hộp mực in thải; bao bì mềm thải (bao gồm bao bì thuốc thú y, hóa chất); thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm chai lọ thú y); chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại.

## **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

#### **3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Thu gom nước thải xây dựng vào hồ lắng tạm, với thể tích 10 m<sup>3</sup> (kích thước: 2,5 m x 02 m x 02 m) để lắng cặn, sau đó được tái sử dụng cho việc trộn bê tông, rửa xe...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Xây dựng trước 02 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 03 m<sup>3</sup>/bể để sử dụng chung cho cả giai đoạn triển khai xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào hoạt động. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn và tái sử dụng cho việc trộn bê tông, rửa xe...; nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn phải được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

#### **3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt gồm nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân và nước từ quá trình nấu ăn,



trong đó, nước thải từ quá trình sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn về hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích là  $03 \text{ m}^3/\text{bể}$  được bố trí tại nhà ở công nhân và nhà bảo vệ.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước sát trùng người và xe:* Thu gom nước sát trùng người và xe về bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi:* Toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất  $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .đêm với quy trình:

Nước sát trùng người và xe → Bể khử trùng; Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn → Hầm biogas; Nước thải vệ sinh chuồng → Hồ thu gom → Hầm biogas → Hồ sinh học 1 → Hồ sinh học 2 → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → Nước thải đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học được tái sử dụng cho quá trình tưới cây trong khu vực Dự án.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của Dự án như sau:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Thể tích/bể ( $\text{m}^3$ )	Số lượng	Vật liệu xây dựng
1	Hồ thu gom	02 x 01 x 02	04	01	Bê tông cốt thép, M250, chống thấm
2	Hầm biogas	28 x 09 x 06	1.512	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
3	Hồ sinh học 1	03 x 02 x 03	18	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
4	Hồ sinh học 2	03 x 02 x 03	18	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
5	Bể khử trùng	0,8 x 0,2 x 1,5	0,24	01	Bê tông cốt thép, M250, chống thấm
6	Hồ chứa nước thải sau xử lý	04 x 03 x 03	36	01	Hồ đất, lót bạt HDPE

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới cây trong khu vực Dự án.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

#### 3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều) ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu và xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa; các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên vật liệu; lên kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chông chéo giữa các công đoạn trong quá trình triển khai thi công; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín; phun xịt nước tại khu vực sân, khu vực đào đất; yêu cầu các phương tiện giảm tốc độ khi di chuyển trong khu vực thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn:* Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.2.2. Trong giai đoạn vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Xây dựng đường giao thông nội bộ riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực Trang trại; tưới nước thường xuyên các đường giao thông nội bộ với tần suất tưới 01 ngày/lần; không nổ máy quá lâu trong khu vực Dự án, không chở quá tải; điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe cùng thời điểm...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; máy phát điện được bố trí trong nhà đặt máy phát điện; lắp đặt ống khói cao vượt mái khoảng 02 m, đường kính khoảng 150 mm.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ quá trình chăn nuôi:*

*Khu vực chuồng nuôi:* Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng, theo mô hình trại lạnh tiên tiến; bố trí quạt hút hoạt động liên tục tăng cường độ thông thoáng; luôn vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; dùng chế phẩm EM pha với nước sạch, phun đều cho chuồng nuôi; trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng nuôi...

*Mùi hôi từ phân vịt và các lớp đệm lót:* Lượng phân vịt và lớp trấu đệm lót tại các dãy chuồng được xáo trộn định kỳ phun chế phẩm sinh học EM thường xuyên hạn chế tối đa phát sinh mùi hôi.

*Khu vực hầm hủy xác:* Bố trí khu vực hầm hủy xác biệt lập, xây dựng kín, xa khu vực chuồng trại và các khu vực khác; phun chế phẩm sinh học để hạn chế mùi phát sinh với tần suất 02 lần/ngày; trồng cây xanh xung quanh hầm hủy xác để hạn chế mùi.



- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực Dự án trong giai đoạn vận hành đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

#### **3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:**

- *Chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ với lượng đất đào còn dư, đá, gạch thải... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng và thu hồi, định kỳ được Chủ Dự án thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa dung tích 120 lít và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **3.3.2. Trong giai đoạn vận hành:**

- *Phân vịt và trấu lót sàn:* Phân vịt và lớp trấu đệm lót tại các dãy chuồng được xáo trộn định kỳ phun chế phẩm sinh học EM thường xuyên; bán cho các đơn vị có nhu cầu làm phân bón (định kỳ theo chu kỳ 01 lứa nuôi). Trường hợp lượng phân bán không hết thì lưu chứa tạm vào kho chứa chất thải rắn của Trang trại.

- *Vịt chết không do dịch bệnh:* Được xử lý bằng hầm hủy xác. Chủ Dự án xây dựng hầm hủy xác có diện tích 12 m<sup>2</sup>/02 hố, kết cấu: bê tông cốt thép, chống thấm; hố xây dựng lộ thiên cách mặt đất 01 m, sâu 03 m; bề mặt các hố hủy quét hồ dầu chống thấm, đáy hố đổ bê tông cốt thép và có rải vôi bột.

- *Vịt chết do dịch bệnh:* Khi chủ Trang trại nghi ngờ vịt chết không rõ nguyên nhân, vịt chết do bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

- *Bùn thải:* Lượng bùn được lấy mẫu phân tích, nếu không vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được ủ khô và bón cho cây trồng trong Trang trại. Trường hợp là chất thải nguy hại Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.



- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom vào các thùng chứa rác (04 thùng, dung tích 120 lít đặt dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực trại); định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn chăn nuôi*: Thu gom, lưu trữ tại kho chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 08 m<sup>2</sup>, kết cấu: nền bê tông, tường bao xây tô 02 mặt, mái lợp tôn và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Phân vệt được xử lý theo đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu; quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

#### **3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:**

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa tại khu vực Dự án tránh xa bề nước ngầm và khu vực công nhân sinh sống. Chủ Dự án bố trí 01 – 02 thùng chứa loại 120 lít để lưu giữ; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

#### **3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:**

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có dung tích 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong khu vực nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích 08 m<sup>2</sup>, kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô, mái lợp tôn... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

#### **3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn*: Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội*: Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

### **3.5.2. Trong giai đoạn vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn*: Thường xuyên theo dõi, bảo trì các máy móc, thiết bị; lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ nhập xuất vệt và nguyên liệu lên, xuống xe; trồng cây xanh trong khuôn viên Trang trại...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành:**

- *Biện pháp khắc phục sự cố đối với sự cố cháy, nổ*: Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định; kiểm tra các thiết bị đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện; đối với bể biogas, thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí đảm bảo luôn an toàn trong quá trình sử dụng.

- *Biện pháp khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải*: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời làm cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất...

- *Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất*: Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo các quy định hiện hành.

### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

Các công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:**

### **5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:**

#### **5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

#### **5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ 06 tháng/lần báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

### **5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:**

#### **Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm đầu vào tại hố thu gom và 01 điểm đầu ra tại hồ chứa nước thải sau xử lý.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

### **5.3. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành:**

#### **5.3.1. Giám sát môi trường không khí trong khu vực chăn nuôi:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm trong khu vực chăn nuôi; 01 điểm tại khu vực hệ thống xử lý nước thải và 01 điểm tại hầm ủ xác.

- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

### **5.3.2. Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm đầu vào tại hồ thu gom và 01 điểm đầu ra tại hồ chứa nước thải sau xử lý

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

### **5.3.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ 06 tháng/lần báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

### **5.3.4. Giám sát môi trường đất:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực cây xanh sử dụng nước thải sau xử lý để tưới.

- *Thông số giám sát:* As, Cd, Cu, Pb, Zn, Cr.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

### 5.3.5. Giám sát môi trường nước ngầm:

- *Vị trí giám sát:* 01 mẫu tại giếng khoan của Dự án.
- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TDS, Cl<sup>-</sup>, Fe tổng, amoni, nitrat, nitrit, tổng coliform.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

### 6. Các điều kiện kèm theo:

Trong quá trình đi vào hoạt động, Chủ Dự án phải đảm bảo khoảng cách bố trí chuồng trại chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải của Dự án cách ranh đất trại heo của Công ty TNHH MTV TIG Việt Nam tối thiểu 50 m theo quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo yêu cầu tại Quyết định chủ trương đầu tư số 3027/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh.

**7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:** Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

**7.1.** Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**7.2.** Chủ Dự án phải đảm bảo điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-15:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học; phải bố trí hệ thống chuồng trại đảm bảo khoảng cách đến lưới điện cao thế theo đúng quy định.

**7.3.** Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**7.4.** Dự án chỉ được đi vào hoạt động (chăn nuôi vịt) sau khi xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**7.5.** Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dãy cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

**7.6.** Thực hiện phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý cho quá trình tưới cây trong khu vực Dự án theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**7.7.** Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu

khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

**7.8.** Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 956/UBND ngày 18/12/2020 của UBND xã Tân Hưng về việc ý kiến tham vấn về Dự án “Trang trại chăn nuôi vịt thịt, quy mô 45.000 con/lứa nuôi” và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 18/12/2020 tại ấp 5, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

**7.9.** Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

**7.10.** Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

**7.11.** Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.